

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 4 - 2022

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Chí T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp RM, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Mỹ N, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp TL A, xã TAKN, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Đinh Chí T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Huỳnh Mỹ N tổ chức đám cưới năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện TVT. Quá trình chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn. Gia đình, thân tộc hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân 06 tháng. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Đinh Phú H, sinh ngày 09/02/2020 hiện đang sống chung chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu H cho chị Nương nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Huỳnh Mỹ N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đinh Chí T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Huỳnh Mỹ N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2020, anh T và chị N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên chị N không có ý kiến. Như vậy, những mâu thuẫn do anh T xác định thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định chị N không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với anh T, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T với chị N đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, đồng thời kể từ khi anh T nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị N tại Tòa án thì anh T, chị N cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu H đã hơn 26 tháng tuổi hiện sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh Thanh đồng ý giao cháu Hào cho chị N nuôi, cấp dưỡng không đặt ra, tuy nhiên chị N không có ý kiến về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của anh T. Xét thấy: Cháu Hào đang sống ổn định với chị Nương và có sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Nay anh Thanh đồng ý giao cháu H cho chị Nương nuôi là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị N thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Chí T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Chí T được ly hôn với chị Huỳnh Mỹ N.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Phú H, sinh ngày 09/02/2020 cho chị Huỳnh Mỹ N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đinh Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Anh Đinh Chí T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0012106 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Đinh Chí T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Phong Điền, H. Trần Văn Thời;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh